

Số: **21** /2015/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày **21** tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13 ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp - Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Cục QLXLVPHC&TDTHPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh(đăng tải);
- Lưu: VT, NC (L02b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh

QUY CHẾ

Phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 21 /2015 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là sở, ban, ngành) và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện) trong việc thực hiện quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Công tác phối hợp phải tuân thủ quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, bảo đảm công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính được thực hiện kịp thời, thông suốt, hiệu quả.
2. Hoạt động phối hợp dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan đã được pháp luật quy định.
3. Đảm bảo chặt chẽ, thống nhất, đồng bộ trong chỉ đạo, điều hành công tác giữa các cơ quan quản lý Nhà nước, có sự phân định cơ quan chịu trách nhiệm chính và cơ quan phối hợp; quá trình hoạt động không làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của các bên có liên quan.

Chương II NỘI DUNG PHỐI HỢP TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 4. Phối hợp phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện tham mưu giúp UBND tỉnh phổ biến pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

2. Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp trong việc phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi, chức năng nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

Điều 5. Phối hợp kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Nội dung kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (sau đây viết tắt là Nghị định số 81/2013/NĐ-CP).

2. Việc kiểm tra được tiến hành trong các trường hợp sau:

a) Theo đề nghị của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp trên cơ sở theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

b) Việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý liên ngành đang có nhiều khó khăn, vướng mắc, bất cập hoặc đòi hỏi vụ việc phức tạp.

3. Phương thức kiểm tra

a) Kiểm tra theo định kỳ, theo chuyên đề, địa bàn;

b) Kiểm tra đột xuất;

c) Kiểm tra liên ngành.

4. Thẩm quyền ra quyết định kiểm tra

Chủ tịch UBND cấp tỉnh, huyện ra quyết định kiểm tra đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.

5. Trên cơ sở các trường hợp kiểm tra quy định tại Khoản 2 Điều này, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch UBND cùng cấp ban hành quyết định thành lập đoàn kiểm tra liên ngành để thực hiện việc kiểm tra. Quyết định kiểm tra phải ghi rõ thành phần đoàn kiểm tra; thời gian, nội dung, địa điểm kiểm tra; tên cơ quan, đơn vị được kiểm tra; trách nhiệm của đoàn kiểm tra và được gửi tới cơ quan, đơn vị được kiểm tra để thực hiện. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cử người tham gia đoàn kiểm tra liên ngành về tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính theo quyết định của Chủ tịch UBND cùng cấp.

6. Báo cáo kết quả kiểm tra

a) Chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra phải có văn bản báo cáo kết quả kiểm tra gửi người đã ra quyết định thành lập đoàn kiểm tra, đồng thời gửi đến cơ quan được kiểm tra.

Trường hợp trong báo cáo kết quả kiểm tra có đề nghị cơ quan được kiểm tra xem xét xử lý các kiến nghị của đoàn kiểm tra, thì chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo, cơ quan được kiểm tra phải xem xét, xử lý các kiến nghị và gửi báo cáo kết quả đến người đã ra quyết định thành lập đoàn kiểm tra;

b) Báo cáo kết quả kiểm tra phải có các nội dung sau đây: Tình hình thi hành pháp luật Xử lý vi phạm hành chính; kết quả đạt được; hạn chế, bất cập; khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân; kiến nghị, đề xuất.

Điều 6. Phối hợp thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Công tác phối hợp thanh tra thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính giữa Sở Tư pháp với các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện được thực hiện trong trường hợp có kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

Điều 7. Phối hợp cung cấp thông tin để xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu giúp UBND tỉnh xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính và tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính tại Bộ Tư pháp.

2. Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện có trách nhiệm cung cấp thông tin cho UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp) để phục vụ công tác xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của địa phương.

Điều 8. Phối hợp trong công tác thống kê về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện thống kê về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi quản lý của địa phương.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện có trách nhiệm thực hiện thống kê về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị gửi Sở Tư pháp tổng hợp.

Điều 9. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính bao gồm báo cáo về tình hình xử phạt vi phạm hành chính và báo cáo về tình hình áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính, được thực hiện định kỳ hàng tháng, 06 tháng và hàng năm. Nội dung báo cáo theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 25, Nghị định số 81/2013/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Cơ quan có trách nhiệm báo cáo

Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện thực hiện báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị về UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp), Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, xây dựng dự thảo Báo cáo tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của địa phương trình lãnh đạo UBND tỉnh ký ban hành, báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định tại Điểm a, b Khoản 3 Điều này.

3. Thời điểm lấy số liệu báo cáo và thời gian gửi báo cáo

a) Đối với báo cáo gửi Bộ Tư pháp

- Thời điểm lấy số liệu đối với báo cáo 06 tháng tính từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 31 tháng 3 năm sau; đối với báo cáo hàng năm, từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 30 tháng 9 năm sau.

- Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện gửi báo cáo về Sở Tư pháp trước ngày 10 tháng 4 đối với báo cáo định kỳ 06 tháng và trước ngày 10 tháng 10 đối với báo cáo hàng năm.

- Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, xây dựng dự thảo Báo cáo tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của địa phương trình lãnh đạo UBND tỉnh ký ban hành gửi Bộ Tư pháp trước ngày 20 tháng 4 đối với báo cáo định kỳ 06 tháng; trước ngày 20 tháng 10 đối với báo cáo hàng năm.

b) Đối với báo cáo gửi UBND tỉnh

- Thời điểm lấy số liệu đối với báo cáo định kỳ hàng tháng được tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 15 tháng báo cáo; báo cáo 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 5; báo cáo năm từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện gửi báo cáo về Sở Tư pháp trước ngày 18 tháng báo cáo đối với báo cáo tháng; trước ngày 05 tháng 6 đối với báo cáo 06 tháng; trước ngày 10 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm.

- Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp kết quả chung của các đơn vị và gửi báo cáo về UBND tỉnh trước ngày 20 tháng báo cáo đối với báo cáo tháng; trước ngày 10 tháng 6 đối với báo cáo 06 tháng; trước ngày 15 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm.

4. Trường hợp hết thời hạn báo cáo mà các đơn vị không gửi báo cáo, Sở Tư pháp tổng hợp kết quả báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, xử lý.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Kinh phí phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về Xử lý vi phạm hành chính

Kinh phí phục vụ công tác quản lý nhà nước về Xử lý vi phạm hành chính và tổ chức thi hành pháp luật về Xử lý vi phạm hành chính do ngân sách nhà nước bảo đảm và được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị có liên quan theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Sở Tư pháp theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này; định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tư pháp theo quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.



Hoàng Xuân Ánh